



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Công ty cổ phần chứng khoán Công nghiệp Việt Nam

Trụ sở chính

Địa chỉ: 121 Đại lộ Lê Lợi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Tel: (84 – 8) 3915 2188

Fax: (84 – 8) 3915 2189

Website: www.isc.vn

Email: info@isc.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 108 Lò Đúc, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84 – 4) 3972 6789

Fax: (84 – 4) 3972 7645

Website: www.isc.vn

Email: info-hn@isc.vn

Hồ Chí Minh tháng 04 năm 2012

MỤC LỤC

I.	Lịch sử hoạt động của công ty	1
1.	Những sự kiện quan trọng	1
2.	Quá trình phát triển	1
3.	Định hướng phát triển	2
II.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	3
1.	Những kết quả hoạt động nổi bật trong năm 2011	3
2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011	3
3.	Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011	3
4.	Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	4
III.	Báo cáo của Ban giám đốc	4
1.	Báo cáo tình hình tài chính	4
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
6.	Những tiến bộ công ty đã đạt được	5
7.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	6
IV.	Báo cáo tài chính	6
V.	Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	6
1.	Kiểm toán độc lập	6
2.	Kiểm toán nội bộ	6
VI.	Các công ty có liên quan	6
VII.	Tổ chức và nhân sự	7
1.	Cơ cấu tổ chức	7
2.	Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	8
3.	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	8
4.	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng	8
VIII.	Thông tin cổ đông và Quản trị công ty	9
1.	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	9
2.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông	10

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Tên công ty: Công ty cổ phần chứng khoán Công nghiệp Việt Nam

Tên tiếng Anh: Viet Nam Industry Security Company

Tên viết tắt: ISC

Logo:



Trụ sở chính: 121 Đại lộ Lê Lợi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Tel: (84 – 4) 3915 2188

Fax: (84 – 4) 3915 2189

Website: www.isc.vn

Email: info@isc.vn

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: số 101/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/08/2008. Giấy phép điều chỉnh lần thứ ba số 339/UBCK-GP ngày 12/07/2010

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức Thuận

Chức vụ: Tổng giám đốc

I. Lịch sử hoạt động của công ty

1. Những sự kiện quan trọng

- Ngày 12/08/2008 UBCKNN cấp giấy phép hoạt động số 95/UBCK-GP cho Công ty cổ phần chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC)
- Ngày 25/12/2008 ISC là thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán, giấy chứng nhận đăng ký thành viên số 101/GCNTVLK, mã thành viên: 096
- Ngày 06/03/2008 là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh
- Ngày 09/03/2008 là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ngày 01/04/2009 chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Tp Hồ Chí Minh
- Ngày 11/05/2009 thành lập chi nhánh Hà Nội tại 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Ngày 20/01/2010 ISC thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỉ đồng lên 135 tỉ đồng

2. Quá trình phát triển

- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính năm 2011
 - Môi giới chứng khoán

- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Lưu ký chứng khoán

✓ **Tình hình hoạt động năm 2011**

Hoạt động môi giới chứng khoán

Có thể nói năm 2011 là một năm hết sức khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Chỉ số Vn-index đã hơn 25% so với cuối năm 2010. Giá trị vốn hóa của các công ty niêm yết trên sàn giảm 137 ngàn tỷ đồng, còn lại 454 ngàn tỷ đồng vào cuối năm 2011. Quy mô giao dịch cũng bị thu hẹp đáng kể. Khối lượng giao dịch bình quân đạt gần 34 triệu chứng khoán/phiên, tương ứng với giá trị giao dịch 650 tỷ đồng, giảm 29% về khối lượng và 57% về giá trị so với năm 2010. Vì vậy, hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu chỉ đạt hơn 2,618 tỷ đồng, giảm 5,84 lần và chỉ bằng 17,11% so với năm 2010.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, ISC hiện vẫn đang đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng có tài khoản tại ISC cũng như nhiều đối tượng khác. Cùng với đội ngũ chuyên viên cao cấp có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, các sản phẩm tư vấn đầu tư của ISC được khách hàng đánh giá cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường đang trên đà phát triển, dịch vụ Môi giới của ISC ngày càng được nhiều nhà đầu tư biết tới và sử dụng.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tư vấn tài chính doanh nghiệp là một trong những nghiệp vụ được chú trọng đặc biệt về chất lượng phục vụ của ISC. Các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp mà ISC cung cấp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ trọn gói như tư vấn cổ phần hoá, tư vấn phát hành, niêm yết cổ phiếu, tư vấn mua bán sáp nhập ... Tuy nhiên, nền kinh tế khó khăn, hàng loạt các doanh nghiệp phá sản, tạm dừng hoạt động, hoạt động cầm cự là chủ yếu, nên nhu cầu về dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp giảm sút mạnh mẽ không chỉ riêng ISC mà cả ngành Chứng khoán nói chung. Trong năm 2011, doanh thu từ dịch vụ này chỉ đạt gần 186 triệu đồng, giảm 88,83% so với năm 2010.

Trong thời gian tới, ISC sẽ chú trọng đặc biệt đến nâng cao chất lượng của các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. đẩy mạnh các dịch vụ tư vấn đã và đang là thế mạnh của ISC, nâng cao vị thế của công ty để trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Hoạt động khác

Cũng tương tự như hoạt động môi giới và tư vấn tài chính, doanh thu từ hoạt động khác cũng giảm đáng kể, tuy nhiên, mức giảm chậm hơn khi chỉ giảm 42,30% so với năm 2010, đạt giá trị hơn 3,85 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển

Về tầm nhìn và sứ mệnh:

ISC luôn nỗ lực để đạt được mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam, bên cạnh đó ngày càng gia tăng uy tín và đẩy mạnh thương hiệu để vươn ra thị trường chứng khoán của khu vực và trên thế giới. Với tầm nhìn

dài hạn, ISC hướng tới phát triển thành một tập đoàn tài chính vững mạnh của nền kinh tế.

Sứ mệnh của ISC là tối đa lợi ích cho khách hàng, cổ đông và người lao động, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Cam kết của ISC

Với phương châm “ISC luôn mang đến cho khách hàng sự hài lòng”, chúng tôi luôn nỗ lực nhằm cung cấp dịch vụ tài chính tốt nhất, hiệu quả nhất cho nhiều đối tượng khách hàng. Chúng tôi cam kết rằng quý khách hàng sẽ luôn cảm thấy hài lòng khi đến với Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những kết quả hoạt động nổi bật trong năm 2011

Sau gần 4 năm đi vào hoạt động, ISC đã có những bước tiến quan trọng, khẳng định được thương hiệu ISC trên thị trường tài chính. Công ty đã tiến hành xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, nâng cấp cơ sở vật chất và định hướng hoạt động của chi nhánh Hà Nội

ISC cũng hoàn thiện việc đầu tư công nghệ khi đưa hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến Online Trading Pro đi vào vận hành trên toàn hệ thống, thực hiện thành công việc kết nối trực tuyến với hai Sở giao dịch chứng khoán.

Trong năm 2011, ISC tập trung vào việc củng cố đội ngũ cán bộ, xây dựng lại các bộ phận chuyên sâu như phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp, phòng Phân tích và đầu tư,... nhằm chuyên nghiệp hoá cho từng nghiệp vụ kinh doanh.

Ngoài ra, ISC luôn tuân thủ đúng quy định về giao dịch đối với hai Sở giao dịch chứng khoán, tham gia đầy đủ và tuân thủ mọi yêu cầu của 2 Sở giao dịch chứng khoán để nâng cao năng lực của hệ thống như kéo dài thời gian giao dịch sang buổi chiều, tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư...

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011 diễn biến trầm lắng do sự bất ổn của kinh tế thế giới kéo theo những tác động nhất định đến kinh tế Việt Nam. Kết thúc năm 2011, có tới ¾ trên tổng số các công ty chứng khoán có kết quả kinh doanh thua lỗ, thậm chí có công ty chứng khoán mất khả năng thanh khoản. Năm 2011, ISC chỉ hoàn thành 26,62% kế hoạch doanh thu, và lợi nhuận trước thuế âm hơn 10 tỷ đồng, tuy nhiên, đây vẫn là con số khá nhỏ so với hàng loạt công ty chứng khoán khác bị lỗ hàng trăm tỷ.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% hoàn thành
1	Tổng doanh thu	25.000.000.000	6.654.387.421	26,62%
2	Lợi nhuận gộp	12.000.000.000	(453.775.819)	N/A
3	Lợi nhuận trước thuế	2.500.000.000	(10.393.549.475)	N/A

3. Những thay đổi chủ yếu của Báo cáo tài chính năm 2011

- Tài sản ngắn hạn giảm 61,11% xuống còn 142,48 tỷ đồng. Nguyên nhân là do sự sụt giảm mạnh tiền và các khoản tương đương tiền, giảm từ hơn 292,27 tỷ đồng trong năm 2011 xuống còn 79,04 tỷ đồng; các khoản phải thu ngắn hạn cũng giảm mạnh từ 73,26 tỷ đồng xuống còn 0,298 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn tăng 10,08 lần, từ 9,68 tỷ đồng lên thành 97,59 tỷ đồng trong năm 2011 do công ty ghi nhận trong năm hơn 90,79 tỷ đồng ký quỹ các hợp đồng môi giới cổ phiếu OTC.
- Nợ phải trả giảm 54,69%, từ mức 229,06 tỷ đồng còn 103,79 tỷ đồng do công ty đã thanh toán khoản vay nợ ngắn hạn 68 tỷ đồng và giảm mạnh các khoản phải trả phải nộp khác.
- Vốn chủ sở hữu trong năm 2011 giảm từ 146,98 tỷ đồng xuống còn 136,28 tỷ đồng do trong năm 2011 công ty bị lỗ hơn 10,39 tỷ đồng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Tăng trưởng về chất hoạt động tư vấn môi giới, nâng tầm chất lượng và dịch vụ ở mức chuyên nghiệp, đảm bảo thị phần giao dịch nằm trong Top 10 các CTCK có thị phần giao dịch lớn nhất.

Với mục tiêu trở thành định chế tài chính trung gian uy tín, ISC đã dần dần xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên môi giới, phân tích và tư vấn tài chính doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, xem đây là thế mạnh của công ty để phát triển bền vững và lâu dài

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2010	Năm 2011
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	97,43	59,35
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	2,57	40,65
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	60,91	43,23
	Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	39,09	56,77
2	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,60	1,37
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,36
3	Khả năng sinh lời			
	Tỉ suất sinh lời trên doanh thu (ROS)	%	5,02	N/A
	Tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	%	0,32	N/A
	Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,81	N/A

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011

Giá trị sổ sách của ISC được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành} - \text{cổ phiếu quỹ}}$$

Giá trị sổ sách của Công ty tính tới thời điểm 31/12/2011 là 10.095 đồng/cổ phiếu

1.3. Tổng số cổ phiếu theo từng loại

- Cổ phiếu phổ thông: 13.500.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 135.000.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Xu hướng chính của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011 là giảm điểm với các phiên giảm liên tục cùng với thanh khoản giảm mạnh so với năm trước. Là một công ty chứng khoán ISC cũng đứng trước những thách thức và chịu những tác động không nhỏ. Chính vì thế kế hoạch đã đặt ra của năm 2011 đã không hoàn thành:

- Năm 2011, doanh thu chỉ đạt 6,54 tỷ đồng chỉ bằng 28,15% so với năm 2010, và do đó ISC cũng chỉ đạt 26,62% so với kế hoạch đặt ra của năm 2011. Đáng kể nhất là sự đóng góp doanh thu trong hoạt động môi giới của công ty, doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán chỉ đạt 2,61 tỷ đồng, chiếm 39,34 tổng doanh thu toàn công ty, giảm 82,88% so với năm 2010, và chỉ đạt 14,54% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận sau thuế âm 10,39 tỷ đồng (kế hoạch năm 2011 là 1,87 tỷ đồng).

6. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Kết thúc năm 2011, một năm với nhiều khó khăn và những diễn biến không thuận lợi đối với Thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam nói riêng, dù vậy ISC cũng đã giữ vững được những mục tiêu kinh doanh và có những bước đi đúng đắn đảm bảo lợi nhuận của công ty, đặc biệt ghi nhận những tiến bộ trong năm qua về chuyển biến tích cực trong định hướng kinh doanh và tăng cường giám sát, quản trị rủi ro trong toàn hệ thống góp phần trrong việc đưa công ty đứng vững trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường.

- Về chuyển biến kịp thời trong định hướng kinh doanh toàn công ty: đứng trước những tác động không nhỏ ảnh hưởng tới doanh thu toàn công ty như: sụt giảm nguồn thu từ hoạt động môi giới, đầu tư tự doanh thua lỗ.....Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhanh chóng nhận ra những yếu tố không thuận lợi cho hoạt động tự doanh nên đã quyết định giảm tỷ trọng đầu tư cho hoạt động tự doanh đồng thời tiếp tục cơ cấu danh mục đầu tư, và quản lý danh mục đầu tư tốt trong điều kiện thị trường khó khăn.
- Xây dựng kế hoạch và cơ chế khuyến khích kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của công ty.
- Giám sát và quản trị rủi ro: Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, việc sử dụng lao động, thời gian làm việc.....của các phòng ban và của toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty. Đồng thời nâng cao công tác phòng ngừa và quản trị rủi ro, nhằm hạn chế đến mức tối đa những thiệt hại có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của toàn công ty

7. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam, ISC đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên môi giới, nghiên cứu – phân tích, và tư vấn tài chính doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, ISC đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, ISC còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

IV. Báo cáo tài chính

Tất cả các báo cáo tài chính liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, kèm theo nhận xét của Tổ chức kiểm toán được đính kèm phụ lục báo cáo.

Xem tại phụ lục 1

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty kiểm toán Mỹ (American Auditing)
- Ý kiến kiểm toán độc lập: theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Các chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan. (Trích dẫn: Báo cáo số 201204124110/AR-AA ở Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam năm 2011).
- Các nhận xét đặc biệt: Không có.

2. Kiểm toán nội bộ

Trên cơ sở tiến hành rà soát và kiểm tra các số liệu về tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình trong năm 2011, Ban kiểm soát đã nhận xét như sau:

- Về mặt kế toán: Công ty đã thực hiện đúng chuẩn mực theo quy định của Nhà nước và tuân theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Về mặt quản lý: Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, từng bước cải thiện và nâng cao thu nhập và các chế độ cho người lao động như bảo hiểm, phúc lợi.

VI. Các công ty có liên quan

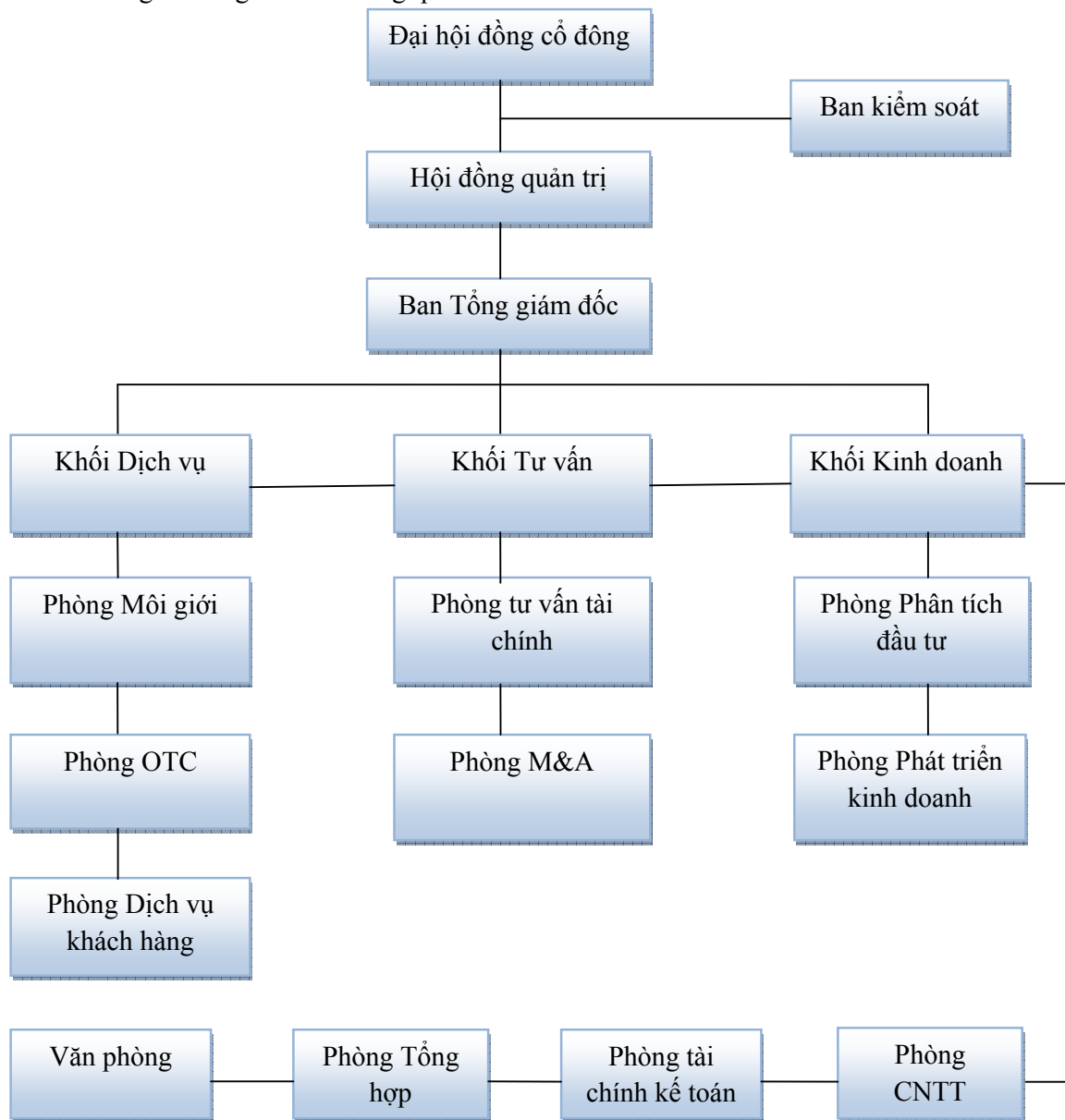
- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức : Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức: Không có
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không có

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

a. Thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND	Chức vụ
1	Ông Trần Đức Thuận	15/08/1978	025004860	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Quang Sự	08/08/1972	011774441	Ủy viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Như Ý	26/11/1976	024839293	Ủy viên HĐQT

b. Thành viên Ban tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Ông Trần Đức Thuận	1978	Tổng giám đốc
2	Ông Phan Văn Tuấn	1978	Phó tổng giám đốc

c. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Đơn vị công tác	Năm sinh	Chức vụ
1	Ông Lê Phương Đại	1985	Trưởng ban
2	Ông Phan Ngọc Huân	1971	Thành viên

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011 là người. Trong đó:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	43	100,00%
Lao động trực tiếp	43	100,00%
Lao động gián tiếp	0	0,00%
B. Phân theo trình độ lao động		100,00%
Trình độ đại học	27	62,79%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	13	30,23%
Lao động phổ thông	3	6,98%

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

Trong năm không có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

❖ Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Số cổ phần sở hữu	Thù lao (đồng/tháng)
1	Trần Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	661.500	4.000.000
2	Lê Quang Sự	TV HĐQT	Độc lập không điều hành	2.700.000	4.000.000
3	Nguyễn Thị Như Ý	TV HĐQT	Độc lập không điều hành	1.323.000	4.000.000

❖ Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Số cổ phần sở hữu	Thù lao (đồng/tháng)
1	Lê Phương Đại	Trưởng ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	0	3.000.000
2	Lê Quang Sự	TV ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	0	3.000.000

❖ Hoạt động của HĐQT

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm, bao gồm 05 thành viên. HĐQT duy trì họp định kỳ theo quy định. Ngoài ra HĐQT còn có thể tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc cấp bách, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, sau mỗi cuộc họp đều có biên bản họp và nghị quyết theo đúng như quy chế và hoạt động của HĐQT. Bộ phận thư ký HĐQT đã chuẩn bị chu đáo các tài liệu cho nội dung họp nên khi họp đạt hiệu quả và tính thống nhất cao.

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát 05 năm, bao gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát duy trì họp thường kỳ theo quy chế hoạt động. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty, kiến nghị khắc phục những sai phạm nếu có. Thường xuyên thông báo với HĐQT bằng văn bản về kết quả hoạt động của ban kiểm soát, báo cáo Đại hội đồng cổ

đồng về tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1 Thông tin về Cổ đông tại thời điểm 31/12/2011

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân
A	Vốn cổ phần	13.500.000	100,00%	4	10
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	7.992.000	59,20%	4	1
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% - 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5.508.000	40,80%	0	9
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	0	0,00%	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	0	0,00%	0	0
2	Vốn nước ngoài	0	0,00%	0	0

Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết

STT	Tên cổ đông	Số lượng nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	1.323.000	9,80%
2	Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà	1.323.000	9,80%
3	Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	1.323.000	9,80%
4	Công ty TNHH DV VT Tổng hợp VNM	1.323.000	9,80%
5	Lê Quang Sự	2.700.000	20,00%
Tổng cộng		7.992.000	59,20%

2.2 Cổ đông nước ngoài

Không có

Công tác quan hệ với cổ đông và các nhà đầu tư luôn được chú trọng tại ISC. Công ty thường xuyên tổ chức hội nghị khách hàng và các cuộc gặp mặt các cổ đông nhằm

cung cấp thông tin, chia sẻ chiến lược giúp các cổ đông hiểu rõ hơn về hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời thông qua các buổi tiếp xúc, các cổ đông, nhà đầu tư cũng tham gia đóng góp những ý tưởng, tư duy sáng tạo cho hoạt động của ISC đưa ISC tiếp cận gần hơn với mong muốn, kỳ vọng của các cổ đông khi đầu tư góp vốn vào ISC để Công ty Cổ phần chứng khoán Công nghiệp Việt Nam luôn mang lại lợi ích và giá trị tốt nhất cho các cổ đông, nhà đầu tư.

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của UBCKNN trên website của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, các thông tin về Công ty cổ phần chứng khoán Công nghiệp Việt Nam luôn được cập nhật và công bố kịp thời trên trang web riêng của công ty www.isc.vn

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

TRẦN ĐỨC THUẬN

American Auditing

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

Mã số thuế: 0102879157

AA COMPANY

**CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)
WWW.AA.COM.VN**

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
6 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 95/UBCK-GP, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 225/UBCK-GP ngày 01 tháng 04 năm 2009. Các quyết định điều chỉnh số 294/UBCK-GP ngày 12 tháng 01 năm 2010, số 339/UBCK-GP ngày 12 tháng 07 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời công ty có chi nhánh đặt tại 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông: Trần Đức Thuận	Chủ tịch
Ông: Lê Quang Sự	Thành viên
Bà: Nguyễn Thụy Như Ý	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

Ông: Trần Đức Thuận	Tổng Giám Đốc
Ông: Phan Văn Tuấn	Giám Đốc chi nhánh Hà Nội

Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông: Lê Phương Đại	Trưởng ban
Ông: Phan Ngọc Huân	Thành viên

Cam kết của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của Công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông: Trần Đức Thuận

Chủ tịch

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2012 và được trình bày từ trang 4 đến trang 20.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc
Chứng Chỉ KTV số 0357/KTV
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2012



LÊ XUÂN QUÝ

Kiểm toán viên Việt Nam
Chứng Chỉ KTV số 0615/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		142.481.764.369	366.359.753.688
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.01	79.043.222.060	290.277.762.942
1. Tiền	111		79.043.222.060	118.222.762.942
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	172.055.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.04	298.651.407	73.266.773.203
1. Phải thu khách hàng	131		38.952.605	31.383.805
2. Trả trước cho người bán	132		16.148.284	1.282.598.335
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		176.354.144	7.762.468.910
5. Các khoản phải thu khác	138		67.196.374	64.190.322.153
IV. Hàng tồn kho	140		346.256.500	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.793.634.402	2.815.217.543
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	761.080.457	421.381.554
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	62.032.553.945	2.393.835.989
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		97.592.258.249	9.680.106.421
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.747.813.578	6.270.334.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	3.837.284.022	5.262.638.556
- Nguyên giá	222		7.580.213.232	7.532.555.959
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.742.929.210)	(2.269.917.403)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	834.280.416	1.007.695.850
- Nguyên giá	228		1.276.848.939	1.239.077.739
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(442.568.523)	(231.381.889)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		76.249.140	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		92.844.444.671	3.409.772.015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.738.674.923	2.420.490.509
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	315.769.748	989.281.506
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	90.790.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		240.074.022.618	376.039.860.109

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	103.793.102.983	229.062.789.632
I. Nợ ngắn hạn	310	103.793.102.983	229.062.789.632
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	68.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	723.519.495	4.774.866.463
3. Người mua trả tiền trước	313	2.227.544.256	161.978.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.12	905.646.599	514.278.311
5. Phải trả người lao động	315	264.675.211	1.538.603.433
6. Chi phí phải trả	316 V.13	58.000.000	68.833.333
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.14	98.145.686.385	153.785.062.316
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320 V.15	1.293.265.999	219.167.776
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	(14.000)	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	174.779.038	-
II. Nợ dài hạn	330	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	136.280.919.635	146.977.070.477
Vốn chủ sở hữu	410	136.280.919.635	146.977.070.477
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	10.584.000.000	10.584.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(9.303.080.365)	1.393.070.477
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	240.074.022.618	376.039.860.109

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
6. Chứng khoán lưu ký	006		455.980.858.900	1.013.091.594.200
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		325.730.445.900	834.827.053.200
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		325.730.445.900	834.827.053.200
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012		-	-
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		128.220.000.000	163.042.960.000
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		128.220.000.000	163.042.960.000
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		2.030.413.000	15.221.581.000
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		2.030.413.000	15.221.581.000
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037		-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		-	-
Trong đó:			-	-
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		-	-
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	-
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Xuân Trường
Kế Toán Trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

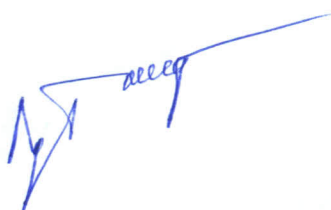
Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu	01	VI.01	6.654.387.421	23.635.508.628
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.618.358.433	15.296.468.691
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		185.909.091	1.665.454.546
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		3.850.119.897	6.673.585.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		6.654.387.421	23.635.508.628
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.02	7.108.163.240	14.040.439.679
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		(453.775.819)	9.595.068.949
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.03	10.385.262.821	9.307.128.952
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(10.839.038.640)	287.939.997
8. Thu nhập khác	31		957.535.243	969.557.492
9. Chi phí khác	32		512.046.078	71.014.468
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		445.489.165	898.543.024
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.393.549.475)	1.186.483.021
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(10.393.549.475)	1.186.483.021
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(754)	90

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Xuân Trường
Kế Toán Trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.393.549.475)	1.186.483.021
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.684.198.441	1.488.553.273
- Chi phí lãi vay	06		3.937.408.504	-
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.771.942.530)	2.675.036.294
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		74.938.498.569	(9.697.823.852)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		(346.256.500)	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(58.095.088.232)	36.627.643.626
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		681.815.586	329.234.239
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.268.121.470)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.664.489)	(544.308.107)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		174.779.038	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(152.367.883.241)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(143.072.863.269)	29.389.782.200
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(161.677.613)	(1.036.460.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(161.677.613)	(1.036.460.706)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	110.584.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	140.150.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(68.000.000.000)	(83.080.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(68.000.000.000)	167.654.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(211.234.540.882)	196.007.321.494
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		290.277.762.942	94.270.441.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		79.043.222.060	290.277.762.942

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Xuân Trường
Kế Toán Trưởng

Trần Đức Thuận
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

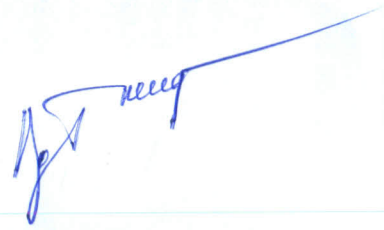
Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**Năm 2011**

ĐVT: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	135.000.000.000	100.000.000.000		-		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần			10.584.000.000	10.584.000.000		-		10.584.000.000	10.584.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu								-	-
4. Cổ phiếu quỹ								-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển								-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính								-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		206.587.456	1.393.070.477	1.186.483.021		(10.393.549.475)	(302.601.367)	1.393.070.477	(9.303.080.365)
Tổng cộng		35.206.587.456	146.977.070.477	111.770.483.021	-	(10.393.549.475)	(302.601.367)	146.977.070.477	136.280.919.635

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012


Nguyễn Xuân Trường
Kế Toán Trưởng
Trần Đức Thuận
Tổng Giám Đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 95/UBCK-GP, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 225/UBCK-GP ngày 01 tháng 04 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời công ty có chi nhánh đặt tại 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

a. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán

b. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán

- Tư vấn đầu tư chứng khoán

- Lưu ký chứng khoán

Vốn điều lệ 135.000.000.000 VND

II NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

► Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

► Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

► Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

► Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

► Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính năm nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính các năm trước, ngoại trừ việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Do thông tư số 162/2010/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót", việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm điều chỉnh nêu trên.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thì mức trích dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ trên một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ trên hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ trên ba (03) năm	100%

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	Không có
Máy móc thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Không có
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 8 năm

b TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm giao dịch Live trade và chi phí thiết kế trang web ISC.

Thời gian khấu hao là 07 - 08 năm.

5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

7 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản về vật dụng văn phòng, trang trí, cải tạo nội thất văn phòng, hệ thống mạng. Các khoản chi phí này được phân bổ dần từ hai (02) tháng đến sáu mươi (60) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Tiền mặt tại quỹ	70.332.283.336	68.718.495.350
- Tiền gửi ngân hàng	8.710.938.724	49.504.267.592
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	172.055.000.000
Tổng cộng	79.043.222.060	290.277.762.942

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	94.464.972	1.425.370.295.819
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	94.464.972	1.425.370.295.819

3. Tình hình đầu tư tài chính

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I. Chứng khoán thương mại	-	-
II. Chứng khoán đầu tư		
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Cổ phiếu	-	-
Số lượng	-	-
Giá trị theo sổ kế toán	-	-
Tăng /(giảm) so với giá thị trường	-	-
Tổng giá trị theo giá thị trường	-	-
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		
III. Đầu tư góp vốn		
IV. Đầu tư tài chính khác		

4. Các khoản phải thu

Chi tiết phụ lục 01

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	190.534.133	171.869.644
Thuế GTGT nộp dư	494.506.218	136.143.948
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.327.856
Thuế khác	76.040.106	77.040.106
Tổng cộng	761.080.457	421.381.554

6 Tài sản ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Tạm ứng	749.272.371	2.385.836.289
+ Phạm Thành Hưng	-	700.000.000
+ Nguyễn Xuân Trường	5.736.999	705.736.999
+ Trần Thị Bích Hạnh	67.139.854	125.371.202
+ Khác	676.395.518	854.728.088
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61.283.281.574	7.999.700
+ Đặt cọc thẻ Taxi	7.999.700	7.999.700
+ Đặt cọc các hợp đồng môi giới CK OTC	61.275.281.874	-
Tổng cộng	62.032.553.945	2.393.835.989

7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số Đầu Năm	-		1.266.542.531	6.090.244.428	175.769.000	7.532.555.959
- Mua trong năm			47.657.273			47.657.273
Số Cuối Năm	-	-	1.314.199.804	6.090.244.428	175.769.000	7.580.213.232
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số Đầu Năm			274.354.541	1.911.340.217	84.222.645	2.269.917.403
- Khấu hao trong năm			230.293.411	1.211.917.567	30.800.829	1.473.011.807
Số Cuối Năm	-	-	504.647.952	3.123.257.784	115.023.474	3.742.929.210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số Đầu Năm	-	-	992.187.990	4.178.904.211	91.546.355	5.262.638.556
Số Cuối Năm	-	-	809.551.852	2.966.986.644	60.745.526	3.837.284.022

8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Web ISC	Phần mềm giao dịch	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	561.038.400	678.039.339	1.239.077.739
- Mua trong năm	-	37.771.200	37.771.200
Số cuối năm	561.038.400	715.810.539	1.276.848.939

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	64.285.650	167.096.239	231.381.889
- Khấu hao trong năm	70.129.800	141.056.834	211.186.634
Số cuối năm	134.415.450	308.153.073	442.568.523
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	496.752.750	510.943.100	1.007.695.850
Số cuối năm	426.622.950	407.657.466	834.280.416

9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	Số cuối năm
Chi phí trả trước	2.420.490.509	1.026.387.636	1.708.203.222	1.738.674.923
Tổng cộng	2.420.490.509	1.026.387.636	1.708.203.222	1.738.674.923

10 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	240.000.000
Tiền nộp bổ sung	67	704.504.698
Tiền lãi phân bổ trong năm	195.769.681	44.776.808
Tổng cộng	315.769.748	989.281.506

11 Tài sản dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.790.000.000	-
+ Ký quỹ các hợp đồng môi giới CP OTC	90.790.000.000	-
Tổng cộng	90.790.000.000	-

12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế thu nhập cá nhân	905.646.599	514.278.311
Tổng cộng	905.646.599	514.278.311

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13 Chi phí phải trả

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Trích trước phải trả khác	58.000.000	68.833.333
Tổng cộng	58.000.000	68.833.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Kinh phí công đoàn	34.782.833	24.877.483
Bảo hiểm xã hội	57.289.582	9.940.015
Bảo hiểm y tế	-	64.773.813
Công ty CP Gemadept (cơm trưa, ủng hộ lũ lụt)	-	6.599.039
Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	-	550.000.000
Công ty CP Someco Sông Đà	-	6.750.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	660.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị & KCN Sông Đà	-	184.300.000
Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	4.669.287.034	-
Công ty Cổ Phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển	82.750.000.000	49.208.085.241
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	18.118.641.572
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	-	9.672.440.813
Công ty Đại lý Liên hiệp Vận chuyển Vũng Tàu	-	6.697.996.400
CTCP Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	-	6.584.173.763
Nguyễn Thị Ái Vân	-	3.867.523.334
Trần Doãn Phi Anh	-	30.108.956.608
Các đối tượng khác	10.634.326.936	28.679.344.235
Tổng cộng	98.145.686.385	153.785.062.316

15 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		-
Phải trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	1.217.411.719	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	30.904.276
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	75.854.280	188.263.500
Tổng cộng	1.293.265.999	219.167.776

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.618.358.433	15.296.468.691
Doanh thu hoạt động tư vấn	185.909.091	1.665.454.546
Doanh thu khác	3.850.119.897	6.673.585.391
Trong đó:		
- Doanh thu ứng trước tiền bán - NĐT	827.187.521	5.193.715.449
- Doanh thu lãi tiền gửi	2.824.359.471	1.068.160.207
- Doanh thu khác	198.572.905	411.709.735
Tổng cộng	6.654.387.421	23.635.508.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***2 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán.	4.312.610.597	8.735.632.564
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn.	65.953.639	89.377.930
Chi phí hoạt động tư vấn.	7.213.636	45.056.571
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán.	306.963.533	250.060.175
Chi phí nhân viên trực tiếp.	2.026.799.839	4.533.265.041
Chi phí vật tư, đồ dùng	11.301.259	19.414.106
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.058.347	55.073.486
Chi phí bằng tiền khác	929.546	18.000.000
Chi phí khác.	323.332.844	294.559.806
Tổng cộng	7.108.163.240	14.040.439.679

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	3.528.951.765	2.837.413.952
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	957.572.369	1.361.751.330
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.853.009	277.960.933
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.684.198.441	1.498.932.165
Thuế, phí và lệ phí	60.014.597	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.689.566.728	2.015.940.988
Chi phí bằng tiền khác	1.346.105.912	1.312.129.584
Tổng cộng	10.385.262.821	9.307.128.952

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1 Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo**

- Không phát sinh

2 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	7.670.213.653	127.967.695.672
Các khoản khác		

VIII Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành, và

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu

Lỗ

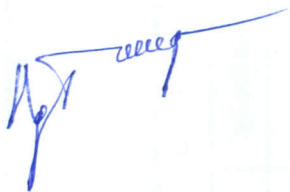
(10.393.549.475)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

IX NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Xuân Trường
Kế Toán Trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám Đốc

20071
NG
TỆM HU
MAY
CO CY

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	31.383.805	-	-	7.568.800		38.952.605	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7.762.468.910					176.354.144	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	7.762.468.910	-	-	339.921.944.377	347.508.059.143	176.354.144	-	-	-
c. Thuế GTGT được khấu trừ						-			
d. Phải thu nội bộ						-			
3. Phải thu khác	64.190.322.153	-	-			67.196.374	-	-	-
- Phải thu khác	64.190.322.153	-	-	23.570.002.454	87.693.128.233	67.196.374	-	-	-
Tổng cộng	71.984.174.868	-	-	7.568.800	-	282.503.123	-	-	-

Nguyễn Xuân Trường
Kế Toán Trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Trần Đức Thuận
Tổng Giám Đốc